

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B4** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02002** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **An toàn lao động điện lạnh**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2255202052010	Quách Võ Thái	An	23/02/2007			8	8.0	9.0		7.0		7.6
2	2255202052011	Trần Hoài	An	21/09/2006			8	9.0	8.0		6.4		7.2
3	2255202052012	Võ Quốc	Anh	07/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2255202052013	Nguyễn Quang	Gol	23/03/2007			7	8.0	9.0		5.4		6.5
5	2255202052014	Phạm Ngọc	Hải	01/02/2007			7	8.0	9.0		5.0		6.3
6	2255202052015	Đoàn Quốc	Khánh	17/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2255202052016	Trần Nguyễn Đăng	Khoa	29/07/2007			9	8.0	9.0		8.4		8.5
8	2255202052017	Nguyễn Văn	Kiên	09/04/2007			8	9.0	9.0		7.0		7.7
9	2255202052018	Trần Diệp Minh	Nghĩa	19/02/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
10	2255202052019	Huỳnh Hoàng	Nghiêm	12/09/2007			7	8.0	9.0		6.4		7.1
11	2255202052020	Cao Kiên	Nhân	25/10/2006			8	9.0	8.0		7.2		7.7
12	2255202052021	Lê Phú	Nhứt	30/01/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2255202052022	Trần Nguyễn Hữu	Phát	12/04/2007			8	9.0	9.0		7.6		8.1
14	2255202052023	Đinh Oai	Phong	09/11/2006			8	9.0	9.0		7.6		8.1
15	2255202052024	Nguyễn Đình	Phong	21/12/2007			7	8.0	9.0		4.4		5.9
16	2255202052025	Khuru Đặng Thiên	Phú	21/07/2007			8	8.0	9.0		6.2		7.1
17	2255202052026	Lê Minh	Phú	25/01/2007			7	8.0	9.0		4.6		6.0
18	2255202052027	Phan Thành	Qui	09/10/2007			8	8.0	9.0		7.6		7.9
19	2255202052028	Bùi Tấn	Tài	02/12/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
20	2255202052029	Võ Anh	Tài	20/09/2007			7	8.0	9.0		5.4		6.5
21	2255202052030	Đoàn Hữu	Thành	20/02/2007			8	8.0	9.0		6.6		7.3
22	2255202052031	Lê Phạm Minh	Thành	30/05/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
23	2255202052032	Nguyễn Phước	Trường	16/09/2007			8	8.0	9.0		7.6		7.9
24	2255202052033	Trần Vĩnh	Khang	22/03/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
25	2255202052034	Trần Gia	Kiệt	08/11/2004			9	9.0	9.0		8.8		8.9

Châu Đốc, ngày 16 tháng 2 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Hoàng Giang